

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2025

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Tô Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Bà Bùi Kim Dung

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Hồng Quân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:** Bà Đoàn Thu Trang-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vũ Minh H, sinh năm: 1993; địa chỉ thường trú: tổ 3, khu 4, phường Đ1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ tạm trú: tổ 85, khu 8, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (*vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. **Bị đơn:** Anh Phạm Ngọc Th, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: tổ 1, khu 4, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (*đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Minh H khai: chị và anh Phạm Ngọc Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) phường G, TP. H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 17-6-2016. Sau khi kết hôn, chị và anh Th chung sống tại gia đình chồng ở tổ 1, khu 4, phường G, TP. H, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11-2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Th có mối quan hệ

ngoài luồng với người phụ nữ khác, chị và anh Th đã cãi nhau và đánh nhau; ngoài ra anh Th còn sống vô tâm, thờ ơ, phó mặc tất cả việc nhà cửa và con cái cho chị; vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống và xảy ra cãi vã. Chị và anh Th đã sống ly thân từ tháng 03 năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Chị và anh Th có 02 con chung là Phạm Thiên T, sinh ngày 09-3-2017 và Phạm Gia H1, sinh ngày 11-4-2018. Hiện nay, cháu Tuấn hơi chậm phát triển về mặt nhận thức nên chưa đi học, còn cháu H1 đang học lớp 1A1 Trường Tiểu học-THCS và THPT Đ3. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao 02 con chung là T và H1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; chị tự nguyện không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị đang làm công việc kế toán tổng hợp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) thương mại và dịch vụ T với mức thu nhập trung bình từ 28.000.000 đồng (*hai mươi tám triệu đồng*) đến 32.000.000 đồng (*ba mươi hai triệu đồng*)/tháng. Chị và anh Th không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn là anh Phạm Ngọc Th nhiều lần nhưng anh Th vắng mặt không lý do.

Tại biên bản làm việc ngày 06-3-2025, đại diện tổ 85, khu 8, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh cung cấp như sau: theo giấy chứng nhận kết hôn số 46 do chị Vũ Minh H cung cấp thể hiện chị H và anh Phạm Ngọc Th đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 17-6-2016. Sau khi kết hôn, chị H và anh Th có thời gian chung sống tại tổ 85, khu 8, phường H1 từ khoảng năm 2021. Anh Th và chị H chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh Th đã chuyển đi nơi khác, sống ly thân với chị H từ năm 2023 đến nay. Nay chị H xin ly hôn với anh Th, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H và anh Th có 02 con chung là Phạm Thiên T, sinh ngày 09-3-2017 và Phạm Gia H1, sinh ngày 11-4-2018. Hiện nay, 02 con chung đều có sức khỏe (thể chất) bình thường, cháu T bị chậm phát triển về nhận thức nên chưa đi học lớp 1. Hai cháu hiện đang sống cùng chị H, do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Đề nghị Tòa án giao các con chung cho người có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung của chị H và anh Th thì tổ dân không rõ.

Tòa án đã tiến hành làm việc với con chung là Phạm Thiên T. Tuy nhiên, sau khi tiếp xúc với cháu T, Tòa án nhận thấy: về thể chất của cháu T hoàn toàn bình thường, nhưng cháu T chậm về mặt nhận thức và ngôn ngữ nên không thể ghi nhận được ý kiến, nguyện vọng của cháu T. Theo chị Vũ Minh H trình bày: cháu T chậm phát triển về nhận thức và ngôn ngữ nên hiện nay chị vẫn chưa cho cháu đi học lớp 1, do đó cháu T chưa biết đọc, biết viết; người lớn hướng dẫn nói câu gì thì cháu T nói theo câu đó. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không lấy được ý kiến, nguyện vọng của cháu T để có căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Toà án đã thông báo cho các đương sự có mặt tại trụ sở Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị H có mặt, còn anh Th vắng mặt không lý do. Do chị H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hòa giải nên Toà án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số 48/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25-3-2025, Toà án đã hoãn phiên tòa với lý do: bị đơn là anh Phạm Ngọc Th đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt.

Tại văn bản ngày 11-4-2025, con chung là Phạm Gia H1 trình bày ý kiến, nguyện vọng như sau: hiện nay, sức khỏe của cháu bình thường. Cháu đang học lớp 1A1 Trường Tiểu học-THCS và THPT Đ3. Cháu là con đẻ của bố Phạm Ngọc Th và mẹ Vũ Minh H. Cháu có nguyện vọng mong muốn được mẹ cháu là chị Vũ Minh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Tại phiên tòa:

Chị H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên toàn bộ các yêu cầu khởi kiện; còn anh Th vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng. Về nội dung, đề nghị Toà án căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Minh H, xử cho chị H được ly hôn với anh Phạm Ngọc Th. Giao 02 con chung là Phạm Thiên T, sinh ngày 09-3-2017 và Phạm Gia H1, sinh ngày 11-4-2018 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Toà án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Toà án: nguyên đơn là chị Vũ Minh H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn là anh Phạm Ngọc Th hiện đang cư trú tại tổ 1, khu 4, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh thụ lý, giải quyết vụ án “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Toà án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai các đương sự đến phiên tòa sơ thẩm. Nhưng nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án xét

xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Minh H và anh Phạm Ngọc Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường G, TP. H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 17-6-2016. Nên hôn nhân giữa chị H và anh Th là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị H và anh Th chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống; hiện nay chị H và anh Th đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau; nên chị H và anh Th đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về nhân thân là tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Th nhiều lần nhưng anh Th vẫn vắng mặt không lý do, không có quan điểm gì về việc chị H xin ly hôn với anh. Tòa án đã triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhưng chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Th, còn anh Th vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy, việc chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, được Tòa án chấp nhận.

- Về con chung: Chị H và anh Th có 02 con chung là Phạm Thiên T, sinh ngày 09-3-2017 và Phạm Gia H1, sinh ngày 11-4-2018. Ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án xét thấy: khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên,...”*. Quá trình giải quyết vụ án, anh Th không có quan điểm gì về việc nuôi dưỡng các con chung khi ly hôn. Sau khi chị H và anh Th sống ly thân, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến nay. Tòa án đã tiến hành làm việc nhưng không lấy được ý kiến, nguyện vọng của con chung Phạm Thiên T do cháu Tuấn chậm phát triển về nhận thức, ngôn ngữ và chưa đi học. Tại văn bản ngày 11-4-2025, con chung Phạm Gia H1 có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Hiện nay, chị H đang làm công việc kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T với mức thu nhập trung bình từ 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) đến 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng), đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao 02 con chung là Phạm Thiên T và Phạm Gia H1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do chị H không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai, chị và anh Th không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Th cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị H và anh Th là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H ngày 02-01-2025, chị H đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Minh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Minh H được ly hôn với anh Phạm Ngọc Th.

- Về con chung: giao 02 con chung là Phạm Thiên T, sinh ngày 09-3-2017 và Phạm Gia H1, sinh ngày 11-4-2018 cho chị Vũ Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Phạm Ngọc Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Vũ Minh H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001579 ngày 02-01-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Minh H và anh Phạm Ngọc Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- Chi Cục THADS TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- Chi Cục THADS TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

